**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2 LỚP 12- KHXH**

**Bài 1: CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC SAU CTTGII**

**Câu 1.** Một trong những mục đích của tổ chức Liên Hơp quốc là

A. trừng trị các hoạt động gây chiến tranh

B. thúc đẩy quan hệ thương mại tự do

C. duy trì hòa bình và an ninh thế giới

D. ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường

**Câu 2.** Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực vào ngày

A. 25/10/1945      B. 26/6/1945       C. 24/9/1945        D. 24/10/1945

**Câu 3.** Cơ quan giữ vai trò trọng yếu hàng đầu của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới là

A. Đại hội đồng    B. Hội đồng Bảo an       C. Hội đồng kinh tế - xã hội       D. Ban Thư kí

**Câu 4.** Nhiệm kì của các nước ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là

A. 2 năm      B. 3 năm       C. 4 năm         D. 5 năm

**Câu 5.** Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào thời gian nào và thành viên thứ bao nhiêu của tổ chức Liên hợp quốc?

A. Tháng 7/ 1995, thành viên thứ 148      B. Tháng 9/ 1975, thành viên thứ 148

C. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 149      D. Tháng 9/ 1977, thành viên thứ 150

**Câu 6:** Hiến chương Liên Hợp Quốc và quyết định thành lập Liên Hợp Quốc được thông qua tại Hội nghị  
A. Hội nghị Xan-phran-xi – xco( Mĩ): 4/1945  
B. Hội nghị lanta ( Liên Xô): 2/1945  
C. Hội nghị Pôtxđam (Đức) 7/1945  
D. Hội nghị Matxcơva (Liên xô ):12/1945

**Câu 7**. Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức của Liên hợp quốc?

A. WHO      B. UNICEF       C. UNESCO           D. WTO

**Câu 8.** Trụ sở của tổ chức Liên Hợp quốc được đặt ở đâu?

A. NewYork      B. Oasinhton      C. California       D. Boston

**Câu 9:** Duy trì hòa bình an ninh thế giới , thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới…là mục đích của  
A.Hội quốc liên  
B.Liên minh châu âu ( EU )  
C.Liên hợp Quốc  
D.ASEAN

**Câu 10:** Nguyên tắc hoạt động nào của Liên hợp quốc góp phần trực tiếp vào việc nhằm duy trì hòa bình,an ninh thế giới  
A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyế của các dân tộc  
B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước  
C. Không tham gia vào công việc nội bộ của bất kì nước nào  
**D.** Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình

**Câu 11:** Yếu tố nào sau đây có ý nghĩa nhất giúp Việt nam ngày càng có vai trò và tiếng nói quan trọng hơn tại LHQ  
A. Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc  
B. Có nhiều tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đang hoạt đông có hiệu quả tại Việt nam  
**C.** Việt Nam đã và đang có nhiều đóng góp tích cực tại Liên hợp quốc  
D. Việt Nam đã thực hiện tốt nghị quyết về an ninh lương thực của Liên hợp quốc

**Câu 12**. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập thời gian nào? tại đâu ?

A. tháng 8-1967 tại Giacácta (Inđônê xia).

B. tháng 8-1967 tại Băngcốc (Thái Lan).

C. tháng 9-1968 tại Băngcốc (Thái Lan).

D. tháng 2-1976 tại Bali (Inđônê xia

**Câu 13**. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN gồm

A. Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo, Thái Lan.

B. Inđônêxia, Mianma, Philíppin, Xingapo, Thái Lan.

C. Inđônêxia, Malaixia, Brunây, Xingapo, Thái Lan.

D. Inđônêxia, Malaixia, Philíppin, Xingapo, Việt Nam.

**Câu 14.** Quan hệ giữa ASEAN với ba nước Đông Dương trong giai đoạn từ năm 1967 đến năm 1979 là

A. hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học.

B. chuyển từ chính sách đối đầu sang đối thoại.

C. giúp đỡ ba nước Đông Dương trong cuộc chiến tranh chống Pháp và Mĩ.

D. đối đầu căng thẳng trong sự chi phối của trật tự hai cực.

**Câu 15.** Ý nào dưới đây ***không*** phản ánh đúng bối cảnh thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á?

A. Các quốc gia cần hợp tác phát triển kinh tế sau khi giành được độc lập.

B. Nhu cầu hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

C. Xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác khu vực và quốc tế có hiệu quả.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam bước vào giai đoạn kết thúc.

**Câu 16.** Ý nào dưới đây ***không*** đúng về quá trình mở rộng thành viên của tổ chức ASEAN từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX?

A. Quan hệ giữa ba nước Đông Dương với ASEAN đã được cải thiện tích cực.

B. Chiến tranh lạnh kết thúc, xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

C. Các nước ASEAN chống lại sự hình thành trật tự “đa cực” sau Chiến tranh lạnh kết thúc.

D. Các nước ASEAN thực hiện hợp tác, phát triển có hiệu quả theo các nguyên tắc của Hiệp ước Bali.

**Câu 17.** Ý nào sau đây ***không*** phải là nguyên tắc cơ bản được xác định trong Hiệp ước Bali (2.1976)?

A. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc của nhau.

C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực đối với nhau.

D. Mọi quyết định của tổ chức phải được nhất trí của các nước thành viên.

**Câu 18.** Yếu tố khách quan thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

A. nhu cầu phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á.

B. mong muốn duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

C. các nước Đông Nam Á gặp khó khăn trong xây dựng và phát triển đất nước.

D. những tổ chức hợp tác mang tính khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều.

**Câu 19.** Nội dung nào ***không*** phải mục tiêu của Hội nghị cấp cao ASEAN ở Bali (2/1976)?

A. Xây dựng khu vực Đông Nam Á trở thành đối trọng với các tổ chức khác.

B. Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực.

C. Thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập ở Đông Nam Á.

D. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực.

**Câu 20.** Điều kiện tiên quyết nhất đưa đến sự thành lập tổ chức ASEAN năm 1967 là các quốc gia thành viên đều

A. có nền kinh tế phát triển.

B. đã giành được độc lập.

C. có chế độ chính trị tương đồng.

D. có nền văn hóa dân tộc đặc sắc.

**Câu 21.** Sự khởi sắc của tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Bali (2/1976).

B. Việt Nam gia nhập ASEAN (7/1995).

C. Campuchia gia nhập ASEAN (4/1999).

D. Các nước ký bản Hiến chương ASEAN (11/2007).

**Câu 22.** Cơ hội của Việt Nam khi tham gia tổ chức ASEAN là

A. hội nhập, giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới về mọi mặt.

B. tạo điều kiện để nền kinh tế nước ta thu hẹp khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực.

C. có điều kiện tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất của thế giới để phát triển.

D. có điều kiện tiếp thu, học hỏi trình độ quản lý kinh tế của các nước phát triển trên thế giới.

**Câu 23.** Vào năm 2016, nước nào sau đây tuyên bố rời khỏi EU?

A. Pháp.       B. Đức.

**C.** Anh.       D.Thụy Điển.

Câu 24. Hợp tác, liên minh trong các lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung là mục đích hoạt động của tổ chức nào?

A. Liên Hợp Quốc.

B. Liên minh châu Âu.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Hội đồng tương trợ kinh tế.

Câu 25. Cộng đồng Châu Âu ( EC) là sự hợp nhất của các tổ chức nào?

A. Cộng đồng than thép Châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC).

B. Cộng đồng than thép Châu Âu, Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng công nghiệp châu Âu.

C. Cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu, Cộng đồng kinh tế Châu Âu (EEC), Cộng đồng công nghiệp châu Âu.

D. Cộng đồng than thép Châu Âu, Cộng đồng công nghiệp châu Âu. Cộng đồng năng lượng hạt nhân châu Âu.

**Câu 26.** Tên Liên minh châu Âu ( EU) chính thức được sử dụng từ thời gian nào?

A. 1/1/1991.

B. 1/1/1992.

**C.** 1/1/1993.

D. 1/1/1994.

**Câu 27.** Tổ chức liên kết chính trị-kinh tế lớn nhất thế giới là

A. Liên Hợp quốc.

**B.** Liên minh châu Âu.

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

D. Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NaTo).

**Câu 28.** Quan hệ EU và Việt Nam được thiết lập vào thời gian nào?

A. Năm 1980.

B. Năm 1990.

C. Năm 1991.

D. năm 1975.

**BÀI 9**

**Câu 1.** Quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã có sự chuyển biến như thế nào?

A. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

B. Hợp tác với nhau trong việc giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

C. Từ hợp tác với nhau trong chiến tranh chuyển sang đối đầu.

D. Từng là đồng minh trong chiến tranh chuyển sang đối đầu và đi đến tình trạng chiến tranh lạnh.

**Câu 2.** Sự kiện khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô, gây nên cuộc “Chiến tranh lạnh” là sự ra đời của

A. “Học thuyết Truman”.

B. “Kế hoạch Mácsan”.

C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

D. chiến lược “Cam kết và mở rộng”.

**Câu 3.** “Kế hoạch Mácsan” (6/1947) của Mĩ còn có tên gọi khác là

A. “Kế hoạch phục hưng châu Âu”.

B. “Kế hoạch khôi phục châu Âu”.

C. “Kế hoạch phát triển châu Âu”.

D. “Kế hoạch tái thiết châu Âu”.

**Câu 4.** Một trong những mục đích của Mĩ khi đề ra “Kế hoạch Mácsan” (1947) là tập hợp các nước Tây Âu vào

A. liên minh kinh tế đối lập với các nước xã hội chủ nghĩa.

B. liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

C. liên minh chính trị chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

D. tổ chức chính trị-quân sự chống lại phe xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5.** Việc thực hiện “Kế hoạch Mácsan” đã tác động như thế nào đến đến mối quan hệ giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa?

A. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và chính trị.

B. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế và quân sự.

C.Tạo nên sự phân chia đối lập về chính trị.

D. Tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế.

**Câu 6.** Tổ chức nào dưới đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu?

A. SEATO.

B. NATO.

C. CENTO.

D. ANZUS.

**Câu 7.** Tổ chức Hiệp ước Vácsava là tổ chức liên minh

A. quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

B. kinh tế - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

C. chính trị - quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

D. kinh tế - chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.

**Câu 8.** Sự ra đời của tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (1949) và Tổ chức Hiệp ước Vácsava (1955) đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

A. Đánh dấu cuộc Chiến tranh lạnh chính thức bắt đầu.

B. Đánh dấu sự xác lập cục diện hai cực, hai phe, Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới.

C. Đặt nhân loại đứng trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới.

D. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9.** Định ước Henxinki (8/1975), được kí kết giữa 33 nước châu Âu với Mĩ và Canađa đã tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề

A. chống khủng bố ở châu Âu.

B. liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.

C. tranh chấp bằng biện pháp hòa bình ở châu Âu.

D. bảo vệ môi trường ở châu Âu.

**Câu 10**. Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện chấm dứt cuộc “Chiến tranh lạnh”?

A. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết (1972).

B. Định ước Henxinki được kí kết (1975).

C. Liên Xô và Mĩ kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1972).

D. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa M.Góocbachốp và G. Busơ (cha) (1989).

**Câu 11.** Bước sang thế kỉ XXI, xu thế chung trong quan hệ quốc tế là

A. tăng cường liên kết khu vực để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự.

B. hòa bình, hợp tác và phát triển.

C. cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.

D. cùng tồn tại trong hòa bình, các bên cùng có lợi

**Câu 12:** Nét nổi bật chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau thế kỉ XX là

A. nhiều cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra.

B. xu thế liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.

C. xuất hiện tình trạng Chiến tranh lạnh.

D. thế giới chuyển sang xu thế hòa dịu, hợp tác.

**Câu 13.** Nguồn gốc của cuộc Chiến tranh lạnh là

A. do sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Mĩ và Liên Xô.

B. xuất phát từ tham vọng làm bá chủ thế giới của Mĩ.

C. do sự chi phối của trật tự hai cực Ianta.

D. xuất phát từ mục tiêu chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa của Mĩ.

**Câu 14.** Mục tiêu của Mĩ khi phát động “Chiến tranh lạnh” là

A. ngăn chặn sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội từ Liên Xô sang Đông Âu và thế giới.

B. Mĩ lôi kéo các nước Đồng Minh của mình chống Liên Xô.

C. chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.

D. phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

**Câu 15:** Thực chất của Kế hoạch Mácsan (6/1947) mà Mĩ đề ra là

A. giúp các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh.

B. khống chế, chi phối các nước Tây Âu trở thành đồng minh phụ thuộc Mĩ.

C. tăng cường sức mạnh kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa.

D. tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh kinh tế -chính trị của Mĩ chống Liên Xô và các nước Tây Âu.

**Câu 16.** Tổ chức Hiệp ước Vácsava là đối trọng của khối quân sự

A. NATO.

B. SEATO.

C. CENTO.

D. ANZUS.

**Câu 17.** Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra vào tháng 4/1949 nhằm mục đích

A. đàn áp phong trào cách mạng thế giới.

B. đảm bảo hòa bình và an ninh châu Âu.

C. chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

D. tăng cường sức mạnh kinh tế - chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 18.** Nguyên nhân chủ quan buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là

A. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc.

B. Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ của Mĩ.

C. cuộc chạy đua vũ trang làm cho 2 nước quá tốn kém và suy giảm thế mạnh của họ trên nhiều mặt.

D. sự lớn mạnh của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước công nghiệp mới.

**Câu 19.** Chiến tranh lạnh chấm dứt đã tác động như thế nào đến tình hình thế giới ngày nay?

A. Nhiều vụ tranh chấp, xung đột được giải quyết bằng biện pháp hòa bình.

B. Phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Liên Xô bị thu hẹp.

C. Các cường quốc tăng cường chạy đua vũ trang để xây dựng sức mạnh thực sự của mình.

D. Sự xuất hiện của chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình an ninh thế giới.

**Câu 20.** Vì sao trật tự “hai cực” Ianta sụp đổ?

A. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu.

B. Liên Xô và Mĩ quá tốn kém trong việc chạy đua vũ trang.

C. “cực” Liên Xô đã tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không tồn tại.

D. Nền kinh tế Liên Xô ngày càng lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

**Câu 21.** Vì sao sau Chiến tranh lạnh, giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng không dễ gì thực hiện được?

A. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc.

B. Do sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản.

C. Do sự phát triển mạnh mẽ của Tây Âu.

D. Do tương quan lực lượng giữa các cường quốc.

**Câu 22**. Nội dung nào sau đây đúng với một trong các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

A. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.

B. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đơn cực”.

C. Hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào ổn định chính trị.

D. Thế giới không còn xảy ra chiến tranh, xung đột.

**Câu 23.** Ý ***không*** phản ánh đúng xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

A. trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”.

B. các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

C. trong quan hệ quốc tế, dần hình thành một trật tự thế giới mới – trật tự thế giới đơn cực, do Mĩ đứng đầu.

D. giới cầm quyền Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” nhưng khó thực hiện được.

**Câu 24.** Tham vọng của Mĩ khi phát động cuộc Chiến tranh lạnh là

A. chống phá Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

B. đẩy lùi phong trào cách mạng thế giới.

C. thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới.

D. đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân trong nước.

**Câu 25.** Điểm giống nhau giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và Chiến tranh lạnh trong thế kỉ XX là

A. gây nên mâu thuẫn sâu sắc giữa các nước.

B. để lại hậu quả nghiêm trọng cho nhân loại.

C. diễn ra trên mọi lĩnh vực.

D. diễn ra quyết liệt, không phân thắng bại.

**Câu 26.** Học thuyết Truman được Quốc hội Mĩ thông qua ngày 12/3/1947 đã vấp phải sự phản kháng của thế giới vì bản chất

A. phi nghĩa của nó

B. bành trướng của nó.

C. chống cộng của nó.

D. đe dọa nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

**Câu 27.** Một trong những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácsava là

A. chống lại khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu.

B. tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

C. giữ gìn hòa bình và an ninh châu Âu.

D. tăng cường sức mạnh chính trị của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 28.** Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng nhất để lại cho thế giới trong suốt thời gian cuộc Chiến tranh lạnh là gì?

A. Khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa hai phe – phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

B. Hàng ngàn căn cứ quân sự được thiết lập trên toàn cầu .

C. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

D. Xuất hiện các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều khu vực như Đông Nam Á, Triều Tiên….

**Câu 29**. Ý nào dưới đây không nằm trong diễn biến của Chiến tranh lạnh?

A. Xung đột trực tiếp giữa hai siêu cường.

B. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Dương.

C. Cuộc chiến tranh Triều Tiên.

D. Xung đột ở Trung Đông.

**Câu 30**. Sự khác biệt cơ bản giữa Chiến tranh lạnh với Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. diễn ra trên mọi lĩnh vực, ngoại trừ xung đột trực tiếp về quân sự.

B. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.

C. gây ra nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại.

D. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại.

**Câu 31.** Điểm chung của Hiệp ước Bali (của tổ chức ASEAN) và Định ước Henxinki (của Mĩ, Canada và 33 nước châu Âu) là

A. xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

B. khẳng định sự bền vững của đường biên giới giữa các quốc gia.

C. hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

D. tăng cường sự hợp tác giữa các nước trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật.

**Câu 32**. Trong xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, Việt Nam cần đề ra chiến lược phát triển đất nước như thế nào?

A. Tập trung ổn định tình hình chính trị.

B. Tập trung phát triển kinh tế.

C. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

D. Mở rộng quan hệ ngoại giao.

**Câu 33.** Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, Việt Nam có những thời cơ gì?

A. Ứng dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.

B. Học hỏi kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến trên thế giới.

C. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật.

D. Thu hút vốn từ bên ngoài, mở rộng thị trường.

**Câu 34.** Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.

C. giải quyết các tranh chấp bằng việc lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn.

D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

**Câu 35.** Chiến tranh lạnh chấm dứt tác động như thế nào đến tình hình các nước Đông Nam Á?

A. Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển mạnh.

B. Quan hệ giữa các nước ASEAN và các nước Đông Dương được trở nên hòa dịu.

C. Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN.

D. Làn sóng xã hội chủ nghĩa lan rộng ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 36.** Sự kiên nào đặt các quốc gia dân tộc đứng trước thách thức của chủ nghĩa khủng bố

A. Liên xô sụp đổ

B. sự sụp đổ của trật tự hai cực Ianta

C. tổ chức vacsava chấm dứt hoạt động

D. nước Mĩ bị tấn công bất ngờ vào 11-9-2001

**Câu 37**. Sắp xếp các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian từ trước cho tới sau:

1. Mĩ cùng các nước phương Tây thành lập NATO;
2. Mĩ thông qua kế hoạch Macsan;
3. Hiệp ước Vacsava được thành lập;
4. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)

A. 1,4,3,2       B. 2,4,3,1

C. 2,4,1,3       D. 4.3.1.2

**Câu 38:** Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu Mĩ, Mĩ đã thu được một số kết quả ngoại trừ việc

A. lôi kéo được nhiều nước đồng minh đi theo và ủng hộ Mĩ

B. ngăn chặn đẩy lùi được CNXH trên phạm toàn thế giới

C. làm chậm quá trình giành độc lập của nhiều nước trên thế giới

D. làm cho nhiều nước bị chia cắt trong thời gian dài

**Câu 39:** Những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại nhất của Mĩ là gì?

A. CNXH đã trở thành hệ thống thế giới, trải dài Đông Âu đến châu Á

B. Nhật Bản và Tây Âu đã vươn lên trở thành trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới

C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời

D. Liên Xô đã chế tạo thành công bom Nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền về vũ khí nguyên tử của Mĩ

**Câu 40:** Nhân tố chủ yếu đã chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỉ nửa sau của thế kỉ XX là

A. sự cạnh tranh khốc liệt về thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản

B. xu thế liên minh khu vực và quốc tế

C. chiến tranh lạnh

D. sự hình thành ba trung tâm kinh tế-tài chính trên thế giới

**Câu 41:** Sự khác biệt căn bản nhất giữa chiến tranh lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới đã diến ra là

A. làm cho thế giới luôn trong tình trạng đối đầu căng thẳng

B. chủ yếu diễn ra giữa Mĩ và Liên Xô

C. diễn ra trên mọi lĩnh vực, trừ xung đột trực tiếp về quân sự giữa Mĩ và Liên Xô

D. diễn ra dai dẳng, giằng co, bất phân thắng bại

**BÀI 21**

**Câu 1:** Ngày 10/10/1954, sự kiện quan trọng nào đã xảy ra?

1. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
2. Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô.
3. **Quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô.**
4. Tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi Việt Nam.

**Câu 2:** Thành tựu lớn của cải cách ruộng đất 1954 – 1956 là

1. **đã giải quyết được 81 vạn héc-ta ruộng đất cho các hộ nông dân.**
2. hơn 2.5 triệu hộ gia đình nông dân Việt Nam được cấp ruộng đất.
3. thủ tiêu hoàn toàn thế lực kinh tế của giai cấp địa chủ trong nông thôn Việt Nam.
4. các hộ gia đình tham gia hợp tác xã.

**Câu 3:** Tại sao trong những năm 1954 – 1958, cách mạng miền Nam chủ trương đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm?

1. Vì lực lượng cách mạng miền Nam lúc đó còn non yếu, chưa thể tiến hành đấu tranh vũ trang.
2. Vì lúc đó kẻ thù còn chưa dám tiến công, lực lượng cách mạng bằng vũ lực.
3. **Vì ta tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, chủ trương dựa vào cơ sở pháp lý quốc tế để đấu tranh chính trị với địch là chủ yếu.**
4. Lúc này đấu tranh bằng quân sự sẽ không đưa lại thắng lợi như ta mong muốn.

**Câu 4:** Căn cứ Dương Minh Châu thuộc tỉnh nào?

1. **Tỉnh Tây Ninh**.
2. Tỉnh Đồng Nai.
3. Tỉnh Sóc Trăng.
4. Tỉnh An Giang.

**Câu 5**: Sau Hiệp định Giơnevơ, do âm mưu của đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm, nước ta

A. bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

B. **tạm thời bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.**

C. bị chia cắt làm hai miền với vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự.

D. bị chia cắt làm 2 nước với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau.

**Câu 6:** Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Mĩ nhanh chóng thiết lập chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam nhằm mục đích gì?

A. **Thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ.**

B. Thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa của Mĩ.

C. Thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam lâu dài, tạo điều kiện cho việc phát triển miền Nam Việt Nam thành một nước Tư bản chủ nghĩa.

D. Nhằm đầu tư kinh tế, biến miền Nam Việt Nam thành một trung tâm kinh tế - chính trị của Đông Nam Á.

**Câu 7:** Miền Bắc Việt Nam sau năm 1954, tiến hành xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh nào?

A. Các thế lực phản động trong và ngoài nước chống phá.

B. **Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.**

C. Kinh tế có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

D. Được Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa viện trợ về kinh tế.

**Câu 8:** Mục đích của Ngô Đình Diệm khi ban hành Luật 10/59 là gì?

A. Tăng cường uy tín của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.

B. Khủng bố tinh thần nhân dân.

C. Chứng tỏ sức mạnh quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

D. **Đặt Đảng Cộng sản Việt Nam ra ngoài vòng pháp luật, khủng bố, đàn áp nhân dân.**

**Câu 9**. Kết quả lớn nhất của phong trào Đồng khởi ( 1959-1960) là gì?

1. **Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam thành lập.**
2. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.
3. Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam Cộng hòa.
4. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**Câu 10:** *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam* ra đời ngày nào?

A. 20/ 12/ 1963.

B. 20/ 12/ 1962.

C. 20/ 12/ 1961.

**D. 20/ 12/ 1960.**

**Câu 11:** Phong trào đấu tranh nào đã đánh dấu của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công?

A. **Phong trào “Đồng khởi”.**

B. “Phong trào hòa bình”.

C. Phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe”.

D. Phong trào đấu tranh ở Trà Bồng (Quảng Ngãi).

**Câu 12:** Ai là Chủ tịch đầu tiên của *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*?

A. Nguyễn Thiệu.

B. **Nguyễn Hữu Thọ.**

C. Châu Văn Liêm.

D. Nguyễn Văn Cừ.

**Câu 13:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã chỉ rõ vai trò của cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc như thế nào?

A. Có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

B. Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

C. **Có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.**

D. Có vai trò to lớn nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

**Câu 14:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9-1960) đã chỉ rõ vai trò của cách mạng Dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam như thế nào?

A. Có vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

B. Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

C. **Có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.**

D. Có vai trò to lớn nhất đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam.

**Câu 15:** “Ấp chiến lược” được Mĩ và chính quyền Sài Gòn coi như “xương sống” của

A. Chiến lược “Dùng người Việt đánh người Việt”.

B. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

C. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

D. C**hiến lược “Chiến tranh đặc biệt”**

**Câu 16:** Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là

A. “**dùng người Việt đánh người Việt”.**

B. “dùng người Việt trị người Việt”.

C. sự dụng “Ấp chiến lược”.

D. giảm bớt chi phí cho người Mĩ tại miền Nam Việt Nam.

**Câu 17:** Sự kiện nào đánh dấu chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị phá sản về cơ bản?

A. **Trận Bình Giã (Bà Rịa, ngày 2/12/1964).**

B. Trận Ấp Bắc (Mĩ Tho, ngày 2/1/1963).

C. Tổng thống Kennơđi bị ám sát (ngày 22/11/1963).

D. Sư Thích Quảng Đức tự thiêu (Sài Gòn, năm 1963).

**Câu 18:** “Một tấc không đi, một li không rời” là quyết tâm của nhân dân miền Nam nhằm chống lại

A. chiến lược “Dùng người Việt đánh người Việt”.

B. chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh.

C. chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

D. **chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”**

**Câu 19:** Ai là vị nữ tướng đầu tiên và duy nhất trong *Quân đội nhân dân Việt Nam*?

A. **Hồ Thủy.**

B. **Bùi Tuyết Minh.**

C. **Nguyễn Thị Định.**

D. Trần Thị Ngọc Đẹp.

**Câu 20**. Chiến dịch "tố cộng diệt cộng" do ai đề ra ?

A. **Ngô Đình Diệm.**

B. Nguyễn Cao Kỳ.

C. Dương Văn Minh.

D. Nguyễn Văn Thiệu.

**Câu 21**. Nghị quyết Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định phương hướng cơ bản của cách mạng miền Nam là

**A. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang.**

B. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị.

C. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh ngoại giao.

D. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranhnghị trường.

D. **Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.**

**Câu 22**. Quân, dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “ Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ và giành thắng lợi quân sự mở đầu vang dội trong trận

A. Đồng khởi Bến Tre.

B. Bắc Ái.

C**. Ấp Bắc**.

D. Trà Bồng.

**Câu 23**. Chiến thắng nào của quân dân ta mở đầu cho cao trào “ tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” ?

A. Ấp Bắc.

B. Bình Giã.

C. Đồng Xoài.

D. **Vạn Tường**

**Câu 24**. Năm 1968, ta chủ trương mở cuộc tiến công và nội dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là

A. kho vũ khí của địch.

**B. các đô thị.**

C. các vùng đồng bằng đông dân.

D. các vị trí chiến lược quan trọng.

**Câu 25**. Ý nào sau đây **không** phải là mục tiêu của Tổng tiến công và nổi dây Xuân Mậu Thân 1968?

A. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ , buộc Mĩ phải đàm phán và rút quân về nước.

B. Đánh đòn vào chính quyền và quân đội Sài Gòn.

C. Giành chính quyền về tay nhân dân.

D. **Giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.**

|  |
| --- |
| **Câu 26**. Cho các sự kiện sau:   1. 1. Phong trào Đồng Khởi 2. 2. Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam 3. 3. Đại hội Đảng lần thứ III   Hãy sắp xếp các kiện trên theo trình tự thời gian |

|  |
| --- |
| **A.1, 3, 2** |
| B. 1, 2, 3 |
| C. 2, 1, 3 |
| D. 3, 1, 2 |

**BÀI 22**

**Câu 1:** Chiến tranh cục bộ được bắt đầu áp dụng ở Việt Nam vào năm nào?

A.1961. B.1963. **C.1965.** C.1967.

Câu 2. Chiến lược Chiến tranh cục bộ ra đời trong hoàn cảnh nào?

A.Sau sự thất bại của chiến lược Chiến tranh đơn phương.

B.Sau phong trào “ Đồng khởi”.

C.Sau sự thất bại của chiến lược Chiến tranh đặc biệt.

D.Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân 1968.

**Câu 3**. Những lực lượng nào tham gia chiến lược chiến tranh cục bộ?

A.Quân Mĩ, quân một số nước đồng minh.

B.Quân Mĩ và quân Sài Gòn.

**C.Quân Mĩ, quân một số nước đồng minh và quân Sài Gòn.**

D.Quân đội Sài Gòn.

**Câu 4:** Chiến tranh cục bộ sử dụng lực lượng quân đội nào là chủ yếu?

A.Quân đồng minh. **B.Quân viễn chinh Mĩ.**

C.Quân tay sai. D.Lính đánh thuê.

**Câu 5.** Ưu thế về quân sự của Mĩ trong chiến lược chiến tranh cục bộ là

A.nhiều vũ khí hiện đại. B.không quân, hải quân.

**C.quân số đông, vũ khí hiện đại.** D.thực hiện nhiều chiến thuật mới.

**Câu 6.** Âm mưu của Mĩ trong chiến tranh cục bộ là

A.đánh bại quân chủ lực của ta để kết thúc chiến tranh.

**B.tạo ra ưu thế về binh lực, hỏa lực để áp đảo quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường.**

C.củng cố lực lượng quân đội Sài Gòn để có thể giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của tar a khỏi miền Nam.

D.giành lại thế chủ động trên chiến trường miền Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia.

**Câu 7.** Âm mưu thâm độc của đế quốc Mĩ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” được thể hiện trong chiến thuật

A.tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn.

B.tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược.

C.thực hiện “trực thăng vận”, “thiết xa vận”

**D.thực hiện các cuộc hành quân “tìm diệt”, “bình định”.**

**Câu 8.** Trong chiến lược chiến tranh cục bộ, đế quốc Mĩ mở rộng phạm vi chiến tranh ra

A.toàn miền Nam. **B.miền Bắc.**

C.toàn Đông Dương. D.miền Nam và Đông Dương.

**Câu 9.** Ý nào sau đây ***không*** phản ánh đúng âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam là

A.nhanh chóng tạo ra ưu thế mới về binh lực và hỏa lực có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng những cuộc hành quân tìm diệt.

B.cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta về thế phòng ngự bị động, buộc ta phải phân tán nhỏ hoặc rút về biên giới.

C.mở rộng những cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ quân giải phóng, các cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào vùng “đất thánh Việt Cộng”.

**D.dồn dân lập “ấp chiến lược”, và coi đây là “xương sống” của chiến lược.**

**Câu 10.** Ý nào thể hiện điểm khác của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” so với chiến lược “chiến tranh đặc biệt” mà Mĩ thực hiện ở miền Nam?

**A.Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn, quân viễn chinh Mĩ, quân đồng minh của Mĩ.**

B.Được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài gòn, quân viễn chinh Mĩ với vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.

C.Dùng người Việt đánh người Việt.

D.Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miệt Nam.

**Câu 11**: Điểm khác biệt lớn nhất về âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong Chiến lược Chiến tranh cục bộ so với Chiến lược Chiến tranh đặc biệt là gì?

A.Sử dụng các loại vũ khí hiện đại.

**B.Sử dụng quân Mĩ là chủ yếu, leo thang đánh phá miền Bắc.**

C.Huy động lực lượng lớn quân Đồng minh của Mĩ.

D.Mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương.

**Câu 12**: Thắng lợi tiêu biểu đầu tiên của quân dân ta chống chiến tranh cục bộ là trận nào?

**A. Vạn Tường.** B. Ấp Bắc. C.Bình Giã. D.An Lão.

Câu 13. Chiến thắng Vạn Tường có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

A.Tạo ra bước ngoạt của chiến tranh.

B.Buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược khác.

C.Đánh bại Mĩ về quân sự.

D.**Được coi là “Ấp Bắc” đối với quân Mĩ, mở đầu cho cao trào “ Tìm Mĩ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam.**

Câu 14: Chiến thắng nào mở đầu cho cao trào “ Tìm Mĩ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam ?

A.Chiến thắng Ấp Bắc - Mĩ Tho. **B.Chiến thắng Vạn Tường–Quảng Ngãi.**

C.Chiến thắng mùa khô thứ nhất. D.Chiến thắng mùa khô thứ hai.

**Câu 15**. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi – 8/1965) chứng tỏ điều gì?

A.Lực lượng vũ trang miền Nam trưởng thành nhanh chóng.

**B.Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.**

C.Cách mạng miền Nam đã đánh thắng “chiến tranh cục bộ” của Mĩ.

D.Quân đồng minh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.

**Câu 16:** Ở mùa khô 1966 – 1967 Mĩ mở cuộc hành quân Gian xơn Xiti vào căn cứ nào của ta?

A.Lộc Ninh – Bình Phước. B. Liên Khu V.

C.Đông Nam Bộ. **D. Dương Minh Châu – Bắc Tây Ninh.**

Câu 17: Thắng lợi lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là

**A. Mĩ chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh xâm lược.**

B.làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

C.là đòn tấn công bất ngờ làm địch choáng váng.

D.Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**Câu 18. Sự kiện nào** ta đã đè bẹp ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ ngồi vào bàn thương lượng?

**A. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.**

B. Chiến dịch Hồ Chí Minh ( 1975)

C. Trận Điện Biên Phủ trên không (1972)

D. Cuộc phản công mùa khô 1966 - 1967.

**Câu 19**. Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 ta đạt được thắng lợi nào?

A.Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình ở Huế, Sài Gòn và toàn miền Nam được thành lập.

B.Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân Sài Gòn.

C. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân.

**D. Tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân Sài Gòn, buộc Mĩ phải đàm phán rút quân về nước.**

**Câu 20:** Chiến thắng nào của ta có tính chất quyết định làm phá sản Chiến tranh cục bộ của Mĩ?

A.Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi.

B.Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

**C.Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.**

D.Chiến thắng của nhân dân Miền Bắc trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

**Câu 21**: Thất bại của chiến lược chiến tranh nào khiến Mĩ chuyển sang chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh?

A.Thất bại ở trận Vạn Tường.

B.Thất bại trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

C.Thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**D.Thất bại của**chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Câu 22. Mĩ dựa vào sự kiện nào để lấy cớ đánh phá miền Bắc lần thứ nhất bằng không quân, hải quân?

A.Sự kiện Vịnh Bắc Bộ.

B.Mĩ thất bại ở trận Vạn Tường.

C.Quân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968).

D.Mĩ thất bại trong hai mìa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

Câu 23. Tiến hành phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965 – 1968) Mĩ có âm mưu gì?

A. “Trả đũa” việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Playku.

B.Phá tiềm lực kinh tế quốc phòng của miền Bắc để chuẩn bị cho cuộc tấn công quy mô lớn của quân đội Sài Gòn ra miền Bắc.

C.Phá tiền lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

D. “Trả đũa” quân ta sau sự kiện “Vịnh Bắc Bộ”

Câu 24. Ý nào sau đây không phản ánh đúng âm mưu của Mĩ trong việc tiến hành chiến ranh phá hoại miền bắc lần thứ nhất.

A.phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

B.ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

C.làm lung lay ý chí chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.

D.mở rộng xâm lược miền Bắc, buộc ta phải khuất phục trên bàn đàm phán.

Câu 25: Lực lượng nào được Mĩ sử dụng chủ yếu trong Việt Nam hóa chiến tranh?

A.Quân Mĩ. **B.Quân đội Sài Gòn.**

C.Quân đội tay sai Campuchia. D.Quân đội tay sai Thái Lan.

**Câu 26**. Trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” quân đội Sài Gòn được Mĩ sử dụng

**A.như lực lượng xung kích ở Đông Dương thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đồng Dương”.**

B.hỗ trợ quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.

C.là lực lượng chủ chốt của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

D.là lực lượng chủ chốt trong việc thực hiện chóng phá lực lượng cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

**Câu 27**. Thủ đoạn mới được Mĩ thực hiện trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

A.Tăng số ngụy quân.

B.Rút dần quân Mĩ về nước.

**C.Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Campuchia.**

D.Cô lập cách mạng Việt Nam.

**Câu 28**:Thực chất của Việt Nam hóa chiến tranh là Mĩ thực hiện âm mưu gì?

**A.Dùng người Việt đánh người Việt.**

B.Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

C.Chia cắt lâu dài Việt Nam.

D.Làm bàn đạp xâm lược Campuchia và Lào.

**Câu 29**: Tác giả của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là ai?

A.Ken-nơ-đi. B.Giôn Xơn. **C.Ních xơn.** D.Ai xen hao.

**Câu 30**. Âm mưu thâm độc của Mĩ trong thủ đoạn “Dùng người Việt đánh người Việt”, “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương” nhằm

A.tăng khả năng chiến đấu của quân Sài Gòn.

B.rút dần quân Mĩ và quân Đồng minh của Mĩ.

**C.giảm xương máu người Mĩ trên chiến trường,tận dụng xương máu người Việt Nam.**

D.xoa dịu dư luận và sự phản đối của người Mĩ.

**Câu 31**. Sự khác nhau giữa chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với “chiến tranh đặc biệt” là

A. “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

B. “dùng người Việt đánh người Việt”.

**C. “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.**

D. “dùng quân đồng minh của Mĩ đánh người Việt”

**Câu 32**: Cùng với việc thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh Mĩ còn sử dụng thủ đoạn ngoại giao xảo quyệt nào?

**A.Thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô.**

B.Vận động các nước xã hội chủ nghĩa cô lập nước ta.

C.Khống chế các nước viện trợ cho ta.

D.Bắt tay với bọn phản động Campuchia và Lào.

Câu 33: Chính phủ phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập trên nòng cốt của tổ chức

A.Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

B.Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

C.Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

D.Ủy ban dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 34: Vừa ra đời, chính phủ cách mạng lâm thời đã được bao nhiêu nước công nhận?

A.13. B.20. C.23 D.25.

Câu 35. Ngày 24,25 tháng 4 năm 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dưng họp nhằm mục đích gì?

A.Đoàn kết cùng nhau kháng chiến chống Mĩ.

B.Vạch trần âm mưu “Đông Dương hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ.

C.Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân 3 nước Đông Dương.

D.Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân 3 nước Đông Dương.

**Câu 36:** Trong năm 1972, ta mở cuộc tiến công chiến lược vào hướng chủ yếu nào?

A.Đông Nam Bộ. **B. Quảng Trị.** C.Tây Nguyên. D.Liên Khu V.

**Câu 37**: Trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972 quân ta đã chọc thủng những phòng tuyến nào của địch?

**A.Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ.** B.Huế- Đà Nẵng.

C.Ven biển miền Trung. D.Đồng bằng Tây Nam Bộ.

**Câu 38:**Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh?

A.Chiến tranh cục bộ. B.Chiến tranh đặc biệt.

C.Chiến tranh đơn phương. **D.Việt Nam hóa chiến tranh.**

**Câu 39:** Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa” chiến tranh?

**A.Chiến tranh cục bộ.** B.Chiến tranh đặc biệt.

C.Chiến tranh đơn phương. D.Việt Nam hóa chiến tranh.

**Câu 40.** Âm mưu của Ních-xơn khi thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai là gì?

**A.Cứu nguy cho chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pari.**

B.Ngăn chặn nguồn chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

C.Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.

D.Phong tỏa cảng Hải Phòng và các song, luồng lạch vùng biển miền Bắc.

**Câu 41.** Mĩ mở cuộc tập kích bằng máy bay B52 vào các thành phố lớn ở miền Bắc của ta nhằm mục đích gì?

A.Nhằm giành thắng lợi quyết định buộc ta phải ngồi vào bàn đàm phán với Mĩ.

B. Nhằm giành thắng lợi quyết định để Mĩ có thể rút quân về nước trong danh dự.

**C.Nhằm giành thắng lợi quyết định buộc ta phải ký một hiệp định có lợi cho Mĩ.**

D. Nhằm giành thắng lợi quyết định để xoa dịu sự phản đối của người dân Mĩ.

**Câu 42.** Trận “Điện Biên Phủ trên không” là kết quả của chiến thắng lịch sử nào của quân dân ta?

A.Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.

B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

**C.Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng B52 của Mĩ ở miền Bắc.**

D.Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

**Câu 43.** Từ 18/12 – 29/12/1972, Mĩ chủ yếu sử dụng phương tiện chiến tranh gì để phá hoại miền Bắc?

A.Tàu chiến. **B.Máy bay B52.** C.Tăng thiết giáp. D.Máy bay tiêm kích.

**Câu 44.** Mĩ đã thực hiện cuộc tập kích 12 ngày đêm (18 – 29/12/1972) vào thành phố nào ở miền Bắc?

**A.Hà Nội, Hải Phòng.**  B.Hà Nội, Điện Biên Phủ.

C.Hải Phòng, Điện Biên Phủ. D.Hà Nội, Hải Dương.

**Câu 45**: Hiệp định Pari được kí kết chính thức trong thời gian nào?

A.15/1/1973. B.20/1/1973. C.21/1/1973. **D.27/1/1973.**

**Câu 46.** Lí do trực tiếp nhất buộc Mĩ kí kết Hiệp định Pari (27/1/1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là

A.thất bại sau đòn bất ngờ của cuộc tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

B.thất bại của Mĩ trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.

**C.quân và dân ta đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”**

D.cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã chọc thủng 3 phòng tuyến quan trọng của địch.

**Câu 47.** Người đại diện cho Việt Nam Dân chủ cộng hòa ký kết hiệp định Pari là

**A.Nguyễn Duy Trinh.** B.Nguyễn Thị Bình. C.Phạm Văn Đồng. D.Lê Duẩn.

**Câu 48.** Người đại diện cho chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam ký kết hiệp định Pari là

A.Nguyễn Duy Trinh. **B.Nguyễn Thị Bình.** C.Phạm Văn Đồng. D.Lê Duẩn.

**Câu 49.** Hiệp định Pari là hiệp định được ký kết giữa những bên nào?

**A.Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mĩ, Việt Nam Cộng Hòa.**

B.Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa, Campuchia, Lào, Mĩ.

C.Mĩ, Cam puchia, Lào, Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

D.Mĩ, Pháp, Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Việt Nam cộng hòa.

**Câu 50.** Hiệp định Pari thừa nhận miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền đó là

A.Việt Nam dân chủ Cộng hòa, Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

B. Việt Nam dân chủ cộng hòa, Việt Nam cộng hòa.

**C. Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Việt Nam cộng hòa.**

D.Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam.

**Câu 51.** Thắng lợi của hiệp định Pari có ý nghĩa gì đối với cách mạng nước ta?

A.Làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mĩ.

B.Đánh cho “Mĩ cút” đánh cho “Ngụy nhào”.

**C. Tạo thời cơ để nhân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam**.

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân tiến lên đánh cho “Mĩ cút”, đánh cho “Ngụy nhào”.

**Câu 52.** Trong những điều khoản của Hiệp định Pari năm 1973, điều khoản nào có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam?

A.Hai bên ngừng bắn ở miền Nam vào ngày 27/1/1973 và Mĩ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống phá miền Bắc Việt Nam.

**B.Mĩ rút hết quân đội và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.**

C.Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai của mình thông qua Tổng tuyển cử tự do trong cả nước, không có sự can thiệp của nước ngoài.

D.Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

**Câu 53.** Sắp xếp theo thứ tự thời gian chiến lược chiến tranh mà Mĩ thực hiện ở Việt Nam trong những năm 1954 – 1973:

1.Chiến tranh cục bộ. 2.Việt Nam hóa chiến tranh.

3.Chiến tranh đặc biệt. 4.Chiến tranh đơn phương.

A.1-2-3-4. B.1-4-2-3. **C.4-3-1-2.** D.4-3-2-1

**Câu 54.** Trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thắng lợi nào của nhân dân ta được coi là Ấp Bắc đối với Mĩ?

**A. Vạn Tường.** B. Núi Thành.

C. Mùa khô 1965-1966.D. Mùa khô 1966-1967.

**Câu 55.** Trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thắng lợi nào của nhân dân ta mở đầu choc cao trào “Tìm Mĩ mà đánh, lung ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam Việt Nam?

**A. Vạn Tường.** B. Núi Thành.

C. Mùa khô 1965-1966. D. Mùa khô 1966-1967.

**Câu 56.** Trong mùa khô 1966-1967, Mĩ mở 895 cuộc hành quân, trong đó lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu thuộc tỉnh nào sau đâu?

**A. Tây Ninh.** B. Sông Bé.C. Đồng Nai.D. Long An.

**Câu 57.** Năm 1972 quân dân ta lấy tỉnh nào làm hướng tiến công chủ yếu?

**A. Quảng Trị.** B. Quảng Bình.C. Thừa Thiên Huế.D. Đà Nẵng.

**BÀI 23**

**Câu 1:** Chiến dịch Tây Nguyên diễn ra trong khoảng thời gian nào?

1. **Từ ngày 4/3 đến ngày 24/3/2975.**
2. Từ ngày 10/3 đến ngày 24/3/2975.
3. Từ ngày 10/3 đến ngày 20/3/2975.
4. Từ ngày 4/3 đến ngày 20/3/2975.

**Câu 2:** Chọn từ ngữ đúng nhất điền vào chỗ trống trong câu sau: “*trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường |...| phải năm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đánh địch trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao”.*

1. chiến tranh cách mạng.
2. **cách mạng bạo lực**.
3. Cách mạng giải phóng dân tộc.
4. Đấu tranh thống nhất đất nước.

**Câu 3:** Hình thức đấu tranh của các mạng miền Nam sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973 có gì khác so với thời kỳ sau khi ký Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954?

1. Sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, miền Nam không có đấu tranh quân sự.
2. Sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, miền Nam chỉ tập trung đấu tranh chính trị.
3. Sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, miền Nam chỉ tập trung đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
4. **Sau khi ký Hiệp định Pa-ri năm 1973, miền Nam vừa đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao.**

**Câu 4**: Tổng thống cuối cùng của chính phủ Sài Gòn là

1. **Nguyễn Văn Thiệu**
2. Nguyễn Cao Kỳ
3. Trần Văn Hương
4. Dương Văn Minh

**Câu 5:** Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 mở đầu bằng chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

**B. Chiến dịch Tây Nguyên**.

C. Chiến dịch Xuân Lộc.

D. Chiến dịch Phước Long.

**Câu 6: “ Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa…”Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?**

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng(7-1973).

B. Hội nghị Bộ chính trị (30-9 đến 7-10-1974).

C. Hội nghị Bộ chính trị mở rộng họp từ 8-12-1974 đến 8-01-1975.

**D. Nghị quyết của Bộ chính trị ngày 25-03-1975**

**Câu 7: Mốc mở đầu và kết thúc của Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975?**

A. Từ 4-3 đến 30-4-1975.

B. Từ 9-4 đến 30-4-1975.

C. Từ 26-4 đến 02-5-1975.

**D. Từ 4-3 đến 02-5-1975.**

**Câu 8**. Sắp xếp lại các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian:

1. Nichxon tuyên bố mở cuộc tập kích chiến lược đường hàng không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng.
2. Cuộc đàm phán hai bên chính thức diễn ra tại Pari.
3. Nichxon tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.
4. Hiệp định Pari được kí chính thức.
5. Hội nghị bốn bên chính thức họp phiên đầu tiên tại Pari.

A. 1-2-3-4-5.

**B. 2-5-1-3-4.**

C. 2-1-3-5-4.

D. 2-3-5-1-4.

**Câu 9**. Ý nhgĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta là gì?

A**.** Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của CNĐQ, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

B. **Mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử: Cả nước độc lập thống nhất cùng tiến lên xây dựng CNXH**.

C. Tạo điều kiện cho Lào và Campuchia giải phóng đất nước.

D. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 10.** Cuộc tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975 gồm các chiến dịch nào?

A.**Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế-Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh**

B. Chiến dịch đường 14, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Hồ Chí Minh

C. Chiến dịch Lam Sơn 79, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế-Đà Nẵng

D. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch đường 9 Nam Lào

**Câu 11**. Đảng ta chọn Tây Nguyên mở đầu cuộc tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975 là do:

A.**Tây Nguyên là một địa bàn chiến lược hết sức quan trọng**

B. Tây Nguyên gần Lào và Campuchia

C. Tây Nguyên nằm gần các tỉnh duyên hải miền Trung

D. Lực lượng của địch ở Tây nguyên mỏng.

**Câu 12**. Vào lúc 10h45 ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã diễn ra sự kiên gì?

A. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

B. Lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

C. **Xe tăng và bộ binh của ta tiến thẳng vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ Nội các Sài Gòn.**

D. Đánh dấu chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

**Câu 13**.  Chiến dịch Hồ Chí Minh lúc đầu có tên gọi là

A. **Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định.**

B. Chiến dịch giải phóng miền Nam.

C. Chiến dịch Sài Gòn.

D. Chiến dịch chống “Bình định – Lấn chiếm”.

**Câu 14.** Vì sao Bộ chính trị quyết định chọn Tây Nguyên mở màn cuộc tấn công Xuân 1975?

A. Tây Nguyên rất gần với trung tâm đề kháng của chính quyền Sài Gòn.

B. **Tây Nguyên, địch bố phòng với lực lượng mỏng và sơ hở.**

C. Tây Nguyên rất gần với quân đoàn 1 của chính quyền Sài Gòn.

D. Tấn công Tây nguyên làm bàn đạp tấn công Huế - Đà Nẵng.

**Câu 15**. Sau chiến thắng Đường 14 – Phước Long, Bộ chính trị Trung ương đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976 vì?

A. Quân ta ngày càng trưởng thành.

B. **Sự bất lực của chính quyền Sài Gòn và khả năng can thiệp trở lại của Mĩ là rất hạn chế**.

C. Mĩ phải rút quân về nước, không thể tham chiến tại miền Nam.

D. Mĩ không viện trợ kinh tế và quân sự cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 16.**  Bộ chính trị Trung ương quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa năm 1975 vì?

A. Ta đã chuẩn bị mọi mặt về nhân lực và vật lực.

B. Phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân thế giới ngày càng lên cao.

C. **Sau thất bại ở Tây Nguyên, Huế – Đà Nẵng, địch không còn khả năng tăng cường phòng thủ cho Sài Gòn.**

D. Chính quyền Sài Gòn đang hoang mang.

**Câu 17.** Ý nghĩa lớn nhất của thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên là ?

A. Toàn bộ sư 23 của quân Sài Gòn bị tiêu diệt.

B. **Từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên, ta phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.**

C. Giải phóng được Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn dân.

D. Đẩy quân đội Sài Gòn vào tình trạng tuyệt vọng.

**Câu 18.** Chiến dịch Huế - Đà Nẵng diễn ra trong khoảng thời gian?

A. Từ ngày 14 – 3 đến ngày 21-3-1975.

B**. Từ ngày 21 – 3 đến ngày 29-3-1975.**

C. Từ ngày 26 – 3 đến ngày 29-3-1975.

D. Từ ngày 21 – 3 đến ngày 26-4-1975.

**Câu 19.** Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi chiến dịch Huế - Đà Nẵng là?

A. Làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống phòng ngự chiến lược của chính quyền Sài Gòn ở miền Trung.

B. Phá tan âm mưu co cụm chiến lược cảu quân đội Sài Gòn.

C. **Tạo thời cơ chiến lược cho ta mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn trước tháng 5 – 1975.**

D. Đẩy quân đội Sài Gòn vào tình trạng tuyệt vọng.

**Câu 20**. Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công những căn cứ phòng thủ trọng yếu nào của địch ?

A**. Xuân Lộc và Phan Rang** B. Phan Thiết và Xuân Lộc

C. Phan Rang và Phan Thiết D. Long khánh và Ninh Thuận

**Câu 21**. Sự kiện Tổng thống Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn (18-4) và Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thonongs (21-4) đã chứng tỏ:

A. Chính quyền sài Gòn đã bị sụp đổ hoàn toàn.

B. Thời cơ mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn đã chín muồi.

C**. Sự sa sút tột độ về mặt tinh thần, ý chí trong nội bộ Mĩ và chính quyền Sài Gòn.**

D. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của ta đã kết thúc thắng lợi.

**Câu 22**. Tỉnh cuối cùng của miền Nam được giải phóng là ?

A. Cà Mau B. Rạch Giá

C. Bạc Liêu D. **Châu Đốc**

**Câu 23.** Nguyên nhân chủ quan nào quyết định nhất sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Sự giúp đỡ của các nước XHCN và tinh thần đoàn kết của nhân dân Đông Dương.

B. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

C. Ta có hậu phương vững chắc miền Bắc cung cấp sức người, sức của cho miền Nam.

D. **Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.**

**Câu 24**. Bộ chính trị Trung ương Đảng đã dựa trên cơ sở nào để đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam?

A. Quân Mĩ rút khỏi miền Nam, địch mất chỗ dựa.

B**. So sánh lực lượng có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.**

C. Khả năng chi viện của hậu phương miền Bắc ngày càng lớn.

D. Mĩ cắt giảm viện chợ cho chính quyền Sài Gòn.

**Câu 25.** Bài học kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay là gì ?

A. **Phát huy vai trò lãnh đạo sáng suốt của Đảng.**

B. Phát huy vai trò của cá nhân.

C. Xây dựng khối đoàn kết toàn trong Đảng.

D. Vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ.

**Câu 26**. Sự sáng tạo và linh hoạt của Đảng khi đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam thể hiên ở chỗ:

A. Quyết định chuyển sang tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

B. Đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm.

C. Quyết định giải phóng miền Nam trước tháng 5 năm 1975.

D. **Tranh thủ thời cơ, tiến công thần tốc để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.**

**Câu 27**. Từ sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ngày nay, thế hệ thanh niên cần phải duy trì và phát huy truyền thống nào của dân tộc?

A. Truyền thống anh hùng. B. **Truyền thống yêu nước, đoàn kết.**

C. Truyền thống cần cù. D. Truyền thống đấu tranh bất khuất.

**Câu 28**.  Hướng tiến công chủ yếu của ta trong năm 1975 là ?

A. Quảng Trị. B. Huế**.** C. Đông Nam Bộ. D. **Tây Nguyên.**

**Câu 29**. Điểm giống nhau giữa chiến dịch Điên Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là gì ?

A. Cuộc tiến công của lực lượng vũ trang.

B. Đập tan hoàn toàn đầu não và sào huyệt cuối cùng của địch.

C. Cuộc tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng

D. **Những thắng lợi có ý nghĩa quyết định kết thúc cuộc kháng chiến.**

**Câu 30**. Nét độc đáo về nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là ?

A. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

B. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

C**. Kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh cách mạng, tiến công và nổi dậy.**

D. Kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao.

**Câu 31**.  Phương châm tác chiến trong các chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam được Bộ chính trị Trung ương xác định ?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh.

B. Đánh chắc, tiến chắc.

C. **Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng.**

D. Lâu dài đánh chắc, tiến chắc.

**Câu 32**. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng diễn ra trong hoàn cảnh nào ?

A. Khi ta giành thắng lợi lớn ở chiến dịch Tây Nguyên.

B**. Khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn.**

C. Khi chiến dịch Tây Nguyên mới bắt đầu.

D. Khi chiến dịch Tây Nguyên đã kết thúc thắng lợi.

**Câu 33.** Ai là người cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập vào ngày 30 – 4 -1975 ?

A. Phan Đình Giót B. Bế Văn Đàn

C. Hoàng Cầm D. **Bùi Quang Thận**

\* CÂU HỎI TỰ LUẬN

**Câu 1/ Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiens chống Mĩ cứu nước (1954 – 1975) ?**

**a. Nguyên nhân thắng lợi**

\* Chủ quan

- Có sự lãnh đạo cảu Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

- Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước do Đảng lãnh đạo, truyền thống đó được phát huy cao độ, sức mạnh của dân tộc được tạo ra bởi truyền thống đó được nhân lên gấp bội.

- Miền Bắc XHCN được bảo vệ vững chắc, được xây dựng, củng cố và không ngừng tăng lên các tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đảm bảo thực hiện nghãi vụ hậu phương lớn, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu chi viện sức người sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

\* Khách quan

- Tình đoàn kết và liên minh chiến đấu của ba dân tộc Đông Dương trên một chiến trường Đông Dương thống nhất đã tạo ra sức mạnh to lớn cho các lực lượng cách mạng chung ba nước và cho từng nước ở Đông Dương.

- Được sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác, sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc, các lực lượng cách mạng, dân chủ hòa bình và của cả loài người tiến bộ, trong đó có nhân dân Mĩ.

**b. Ý nghĩa lịch sử**

\* Đối với dân tộc

- Kết thúc thắng lợi 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc trên nước ta.

- Mở ra kỉ nguyên mới của cách mạng Việt Nam: độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

\* Đối với thế giới

- Tác động mạnh đến nội tình nước Mĩ và cục diện thế giới.

- Có ảnh hưởng và là nguồn cổ vũ to lớn với cách mạng thế giớ